

Bản án số: 99/2021/HS-PT
Ngày: 25/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**
Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Phước Thạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 226/2020/TLPT-HS ngày 30-6-2020 đối với bị cáo **Nguyễn Hữu T** và **đồng phạm** về tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 21/05/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu T. (Tên gọi khác là H). Sinh ngày 1/12/1981 tại Bình Định; Quê quán: Bình Định; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1944 và bà Võ Thị P, sinh năm 1949; Gia đình có 8 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; có vợ là Võ Thị H, sinh năm 1982, có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Nguyễn Mạnh H. (Tên gọi khác H sida). Sinh ngày 2/2/1984 tại Gia Lai; Quê quán: Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ

hai; có vợ là Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1987, có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 1/4/2000 bị Công an phường T xử phạt hành chính về hành vi cưỡng đoạt tài sản; Ngày 15 và ngày 19/4/2001 bị Công an phường T xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau, gây rối trật tự công cộng; Ngày 31/3/2019 thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc tại tỉnh Gia Lai. Ngày 8/4/2019 bị Cơ quan CSĐT Bộ Công an khởi tố vụ án.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/3/2019 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Đào Đình K. Sinh ngày 12/4/1979 tại Quảng trị; Quê quán: Quảng Trị; Thường trú: thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn L, sinh năm 1946 và bà Lê Thị B, sinh năm 1955; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con lớn; có vợ là Trần Thị Kúc A, sinh năm 1995, có 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú. Hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Đình Lê L. (Tên gọi khác Nicolai). Sinh ngày 19/11/1984 tại Gia Lai. Quê quán: Bình Định; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đình Ngọc H, sinh năm 1952 và bà Lê Thị O, sinh năm 1960; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con lớn nhất; có vợ là Lê Thị Kim P, sinh năm 1995, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án: 01 tiền án: Ngày 21/11/2013 bị TAND thành phố P xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” Ngày 17/9/2015 chấp hành án xong.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 20/2/2001 bị TAND thành phố P xử phạt 12 tháng tù về tội “Làm nhục người khác” và tội “ sử dụng trái phép chất ma túy”; Ngày 10/5/2002 bị TAND thành phố P xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 19/9/2007 bị TAND tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội “Không tổ giác tội phạm”; Ngày 27/7/2012 bị UBND quận 4, thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục – Lao động xã hội P, thời hạn 24 tháng

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2019 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

5. Nguyễn Minh Đ. Sinh ngày 3/2/1980 tại Vĩnh Phúc; Nơi ĐKHKTT: thành phố Hà Nội; Chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc T (Đã chết) và bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1957; có vợ là Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1983, có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2019 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 01h30' ngày 06/10/2016, qua công tác tuần tra kiểm soát tại khu vực làng K, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai, Tổ công tác Đồn Biên phòng I (719) đã phát hiện và bắt quả tang 05 xe ô tô tải vận chuyển gỗ trái phép, khi bị phát hiện thì các đối tượng là lái xe, phụ xe đã bỏ đi khỏi xe không làm việc với lực lượng tuần tra và không xuất trình giấy tờ chứng minh nguồn gốc gỗ. Tại hiện trường bắt giữ, tổ công tác đã ghi nhận đặc điểm và vị trí của từng xe ô tô như sau:

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu Thaco Ollin, màu xanh, BKS 81C - 104.17 trên thùng xe có chở gỗ tròn, gỗ xẻ hộp các loại.

- Xe ô tô tải ben, nhãn hiệu Dong Feng, màu vàng, BKS 81C - 020.47, trên thùng xe có chở gỗ tròn, gỗ xẻ hộp các loại.

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu HuynDai, màu trắng, BKS 81C - 027.09, trên thùng xe có chở gỗ xẻ hộp các loại.

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu DaeWoo, màu trắng tím, BKS 81C - 020.04, trên thùng xe có chở gỗ xẻ hộp các loại.

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu HuynDai, màu trắng, không BKS, trên thùng xe có chở gỗ xẻ hộp các loại.

Tổ công tác Đồn Biên phòng I đã báo cáo chỉ huy Đồn Biên phòng I để thông báo các ban ngành trong huyện I bố trí tăng cường lực lượng để bảo vệ hiện trường và xử lý vi phạm. Trong lúc lực lượng chức năng đang bảo vệ hiện trường thì có một số đối tượng đi xe ô tô bán tải đến, 02 đối tượng trên xe xuống gặp các đồng chí Phan Văn H, Lê Văn L thuộc Tổ công tác Đồn Biên phòng I để xin bỏ qua cho các xe gỗ vi phạm, nhưng không được giải quyết. Tiếp đó một đối tượng đến gặp đồng chí S - Bí thư xã I để xin bỏ qua vụ việc, cho các xe đi, đồng chí S không đồng ý giải quyết. Khi không được giải quyết, các đối tượng có mặt tại hiện trường đã chỉ đạo tài xế các xe ô tô tải, đục số khung, số máy và tháo biển số xe, đồng thời lên xe ô tô bỏ chạy, lúc này tài xế điều khiển xe ô tô tải Ben, nhãn hiệu Dong Feng, màu vàng, BKS 81C - 020.47 điều khiển xe ô tô vượt lên trước xe ô tô tải, nhãn hiệu Thaco Ollin, màu xanh, BKS 81C - 104.17 để bỏ chạy, khi vượt lên thì va vào làm rơi cánh cửa xe ô tô BKS 81C - 104.17 và đâm vào 03 xe mô tô của lực lượng chức năng làm xe ô tô bị rơi thùng dầu nên xe chạy được khoảng 200m thì dừng lại, tài xế đã xuống xe bỏ trốn. Xe ô tô, nhãn hiệu HuynDai, màu trắng, không BKS đứng sau cùng đoàn xe cũng lùi lại, quay đầu xe chạy khỏi hiện trường; tiếp đó xe ô tô tải, nhãn hiệu DaeWoo, màu trắng tím, BKS 81C - 020.04 cũng lùi xe, quay đầu xe chạy khỏi hiện trường và đi vào đường nhánh lô cao su thì gặp đường cắt, tài xế đã rời khỏi xe, lực lượng chức năng đã bắt giữ được xe ô tô này.

Cũng trong sáng ngày 06/10/2016, nhận được thông tin của Đồn Biên phòng I về việc có các xe ô tô vận chuyển gỗ qua địa bàn huyện I, Đồn Biên phòng O đã cho Tổ công tác đi tuần tra, qua tuần tra đã phát hiện và bắt giữ được xe ô tô tải, nhãn hiệu Thaco Foton màu xanh, không BKS có chở gỗ trên

thùng xe, khi bị kiểm tra, tài xế đã bỏ xe ô tô trốn thoát.

Vụ việc và tang vật đã được bàn giao cho Hạt Kiểm lâm huyện I và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I để tiếp nhận và xử lý theo thẩm quyền, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh, xác định hiện trường và đo đếm số gỗ trên 05 xe ô tô (04 xe do Đoàn Biên phòng I bắt giữ tại hiện trường và 01 xe do Đoàn Biên phòng O bắt giữ cách hiện trường khoảng 10 km thuộc xã O).

Ngày 09/10/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 64/QĐ-CSĐT về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để tiến hành điều tra.

Hết thời hạn điều tra, chưa xác định được các đối tượng thực hiện hành vi vận chuyển lâm sản trái phép, ngày 10/02/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án.

Ngày 12/7/2019, đối tượng Đào Đình K đã tự nguyện đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và các đối tượng có liên quan. Trên cơ sở lời khai của Đào Đình K, Cơ quan điều tra đã triệu tập đối tượng Nguyễn Hữu T và ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và Quyết định tạm giữ đối với Nguyễn Hữu T để mở rộng điều tra làm rõ. Sau đó, các đối tượng Nguyễn Mạnh T, Đinh Lê L, Lê Trung N, Lê Minh Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I để đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội. Ngày 16/7/2019, đối tượng Hoàng Minh H và Dương Thiệu H1 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I đầu thú. Ngày 11/9/2019, Nguyễn Minh Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Trên cơ sở lời khai của các bị can Nguyễn Hữu T, Nguyễn Mạnh T, Đào Đình K, Đinh Lê L, Lê Trung N, Nguyễn Minh Đ, Lê Minh Đ, Hoàng Minh H, Dương Thiệu H1; lời khai của những người làm chứng, người liên quan và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra đã thu thập được, xác định nội dung cụ thể như sau:

Trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2016, Nguyễn Mạnh T (tên thường gọi là T chè) đi thu mua gỗ của người dân khai thác trái phép ở khu vực giáp ranh biên giới Việt Nam - Campuchia, thuộc địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum để về bán cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển D (trụ sở: tỉnh Kon Tum, kho gỗ tại: Thị trấn IH, huyện IH, tỉnh Kon Tum) nên T khai có quen biết nhiều cán bộ thuộc các lực lượng chức năng đóng trên địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum như: Bộ đội Biên phòng các Đoàn 703, 715, các trạm kiểm soát của Kiểm lâm, Cảnh sát giao thông. Từ mối quan hệ với lực lượng chức năng nêu trên nên Nguyễn Mạnh T đã lợi dụng danh nghĩa vận chuyển hàng cho Công ty D để nhiều lần dẫn đường cho các xe ô tô vận chuyển gỗ trái phép của các chủ gỗ từ nơi tập kết về Công ty D để bán gỗ hoặc từ nơi tập kết đi qua địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum để về Gia Lai mà không bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt giữ.

Trong khoảng năm 2014, Nguyễn Hữu T (tên gọi khác là H) đi thu mua gỗ tại khu vực giáp ranh biên giới Việt Nam - Campuchia, thuộc địa bàn huyện

IH, tỉnh Kon Tum về bán lại cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển D nên quen biết với Nguyễn Mạnh T, quá trình thu mua gỗ về để bán cho Công ty D thì Nguyễn Hữu T đã nhờ Nguyễn Mạnh T giúp đỡ để không bị lực lượng chức năng kiểm tra, bắt giữ trong việc vận chuyển gỗ từ nơi tập kết về kho của Công ty D. Ngoài việc bán gỗ cho Công ty D thì Nguyễn Hữu T còn thỏa thuận nhờ Nguyễn Mạnh T dẫn đường cho xe chở gỗ trái phép của T đi qua địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum đến địa phận huyện I, tỉnh Gia Lai, rồi T tự móc nối với một số cán bộ thuộc các lực lượng chức năng trên địa bàn huyện I, tỉnh Gia Lai như: Đồng chí R - Trưởng Công an xã I, đồng chí Lê Văn L - Cán bộ Đồng Biên phòng I, đồng chí Lê An N - Cán bộ Kiểm lâm địa bàn xã I thuộc Hạt Kiểm lâm huyện I để vận chuyển gỗ đi trong địa bàn huyện I về tiêu thụ tại huyện I hoặc thành phố P mà không bị bắt giữ.

Từ năm 2015, Nguyễn Mạnh H (tên thường gọi là H sĩa) đi thu mua gỗ của người dân khai thác trái phép ở khu vực giáp ranh biên giới Việt Nam - Campuchia, thuộc địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum để về bán lại cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển D nên quen biết Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Hữu T. Trong quá trình làm ăn, biết được Nguyễn Mạnh T có thể dẫn đường cho xe ô tô vận chuyển gỗ trái phép đi trong địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum mà không bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt giữ nên H đã thỏa thuận nhờ T giúp dẫn đường cho các xe ô tô chở gỗ trái phép của H đi từ nơi bốc gỗ đi qua địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum đến địa phận huyện I, tỉnh Gia Lai. Do cũng biết Nguyễn Hữu T có thể dẫn đường cho xe ô tô vận chuyển gỗ trái phép đi trong địa bàn huyện I, tỉnh Gia Lai mà không bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt giữ nên H đã thỏa thuận nhờ T dẫn đường cho các xe ô tô chở gỗ trái phép của H đi từ nơi giáp ranh giữa huyện IH, tỉnh Kon Tum với huyện I, tỉnh Gia Lai để về tiêu thụ tại huyện I và thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Năm 2016, thông qua mối quan hệ quen biết với Nguyễn Mạnh H thì Đào Đình K và Đinh Lê L đã nhờ H chỉ dẫn công việc làm ăn. Nguyễn Mạnh H đã chỉ dẫn cho Đào Đình K và Đinh Lê L lên khu vực giáp ranh biên giới Việt Nam - Campuchia, thuộc địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum mua gỗ của người dân khai thác trái phép để về bán lại kiếm lời. Trong quá trình làm ăn thì Đào Đình K và Đinh Lê L có quen biết Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Hữu T và cũng như Nguyễn Mạnh H các bị can này tìm hiểu về T và T biết được T và T có thể dẫn đường cho các xe ô tô vận chuyển gỗ trái phép đi qua địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum và địa bàn huyện I, tỉnh Gia Lai mà không bị lực lượng chức năng kiểm tra, bắt giữ nên K và L đã liên hệ với H nói H thỏa thuận với T và T để dẫn đường cho xe ô tô chở gỗ trái phép của K và L đi từ nơi bốc gỗ đi qua địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum đến địa phận huyện I, tỉnh Gia Lai rồi tiếp tục đi qua địa bàn huyện I, tỉnh Gia Lai để về tiêu thụ tại huyện I và thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi quen việc thì K và L tự liên hệ với T và Hậu để nhờ giúp đỡ dẫn đường và không thông qua H.

Với phương thức hoạt động như trên, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Mạnh H, Đào Đình K và Đinh Lê L đã nhờ Nguyễn Mạnh T giúp đỡ dẫn đường cho các xe ô tô vận chuyển gỗ trái phép của mình đi từ nơi bốc gỗ đi qua địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum đến địa phận huyện I, tỉnh Gia Lai, thỏa thuận mỗi chuyến đưa cho T từ 4.000.000 đồng - 5.000.000 đồng/ xe ô tô tải lớn, loại 8 tấn và

2.000.000 đồng/ xe tải nhỏ, loại 3,5 tấn để T chung chi cho lực lượng chức năng và hưởng hoa hồng. Nguyễn Mạnh H, Đào Đình K và Đinh Lê L đã nhờ Nguyễn Hữu T giúp đỡ dẫn đường cho các xe ô tô vận chuyển gỗ trái phép của mình đi từ địa bàn giáp ranh giữa huyện IH, tỉnh Kon Tum với huyện I, tỉnh Gia Lai để đi qua huyện I về tiêu thụ tại huyện I và thành phố P, thỏa thuận mỗi chuyến xe đưa cho T từ 1.500.000 đồng - 2.000.000 đồng để T thực hiện theo thỏa thuận. Các đối tượng trên đã nhiều lần vận chuyển gỗ trái phép để về tiêu thụ tại huyện I và thành phố P. Đến ngày 06/10/2016 thì bị lực lượng tuần tra của Đoàn Biên phòng I phát hiện và bắt giữ các xe ô tô vận chuyển gỗ trái phép. Cụ thể các đối tượng đã trao đổi, thỏa thuận, thống nhất như sau:

Quá trình điều tra, các bị can thừa nhận:

- Khoảng ngày 30/9/2016, Nguyễn Hữu T đã gọi điện cho Trần Thanh Thuận là tài xế và Dương Thiếu H1 là phụ xe T thuê lái xe ô tô tải, loại 8 tấn, BKS 81C - 027.09 của T đi đến khu vực Suối Cát thuộc huyện IH, tỉnh Kon Tum nơi tập kết gỗ đã được T thu mua từ trước để bốc gỗ lên xe ô tô, sau khi bốc gỗ lên xe ô tô xong thì T điện thoại nói Trần Thanh Thuận lái xe đến khu vực bãi đá thuộc thủy điện Sê San 4 đứng chờ khi nào có lệnh thì xuất phát.

- Chiều ngày 04/10/2016, Nguyễn Hữu T điện thoại cho Hoàng Minh H thuê H lái xe chở gỗ cho T, giá 1.000.000 đồng/ chuyến. H đồng ý, T nói H đến garage ô tô Q ở B15 xã Ia Tô, huyện I lấy xe ô tô tải, loại 8 tấn, không có BKS để đi đến khu vực xã IT, huyện ID, tỉnh Kon Tum bốc gỗ lên xe (gỗ do T thu mua từ trước đã tập kết sẵn). Khi đi đến khu vực thủy điện Sê San 4, T gọi cho H đón H1 đi phụ xe cho H. Sau đó H điều khiển xe đi đến khu vực ngầm 2 thuộc xã Ia Toi, huyện IH, tỉnh Kon Tum để bốc gỗ lên xe, đến khoảng 23h cùng ngày thì bốc xong, T gọi điện thoại nói H điều khiển xe đến khu vực bãi đá thuộc thủy điện Sê San 4 đứng chờ.

- Khoảng 14h ngày 05/10/2016, Nguyễn Mạnh H điện thoại thuê Lê Trung N lái xe ô tô tải, loại 3,5 tấn, BKS 81C-104.17 của N đi chở gỗ cho H, thỏa thuận giá 7.000.000 đồng/ chuyến, H chỉ dẫn N đến khu vực giáp ranh biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc huyện IH, tỉnh Kon Tum để bốc gỗ tại bãi gỗ do H thu mua từ trước đã được tập kết sẵn. Sau khi bốc gỗ xong, H điện cho N đứng chờ khi nào có lệnh thì xuất phát.

- Khoảng 09h ngày 05/10/2016, Nguyễn Mạnh H điện thoại liên lạc cho Nguyễn Mạnh T nhờ T dẫn đường cho xe ô tô tải BKS 81C - 020.04 của H do tài xế Nguyễn Minh Đ lái xe, T đồng ý và đã điện thoại cho Đ điều khiển xe ô tô đi đến khu vực tập kết gỗ H đã thu mua từ trước để bốc gỗ lên xe. Sau khi bốc gỗ xong, T nói Đ điều khiển xe ô tô đến khu vực bãi đá thuộc thủy điện Sê San 4 để đứng chờ khi nào có lệnh thì xuất phát.

- Khoảng ngày 03/10/2016, Đào Đình K, Đinh Lê L và Lê Minh Đ điều khiển xe ô tô tải, loại 3,5 tấn, BKS 77C - 005.83 là xe của K và L cùng mua chung đến khu vực giáp ranh biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc huyện IH, tỉnh Kon Tum để thu mua gỗ của người dân khai thác trái phép. Sau khi mua đủ gỗ thì bốc gỗ lên xe, do nhận được thông tin lực lượng chức năng đang tuần tra, kiểm soát nên không đi được, K và L đi về thành phố P còn Lê Minh Đ điều khiển xe ô tô vào đường nhánh đứng chờ, ở lại trông xe và gỗ. Trong lúc chờ

xuất phát, Đ có liên lạc với Lê Trung N nên biết được Lê Trung N và Nguyễn Minh Đ cũng đang đậu xe ô tô tải chờ gỗ tại khu vực huyện IH, tỉnh Kon Tum chờ xuất phát.

Như các lần vận chuyển trước, sau khi các xe ô tô đã bốc gỗ lên xe, Nguyễn Hữu T điện thoại cho Nguyễn Mạnh T để báo cho T là T nhờ T dẫn đường cho 02 xe ô tô chở gỗ trái phép của T đi qua địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum, giá 4.000.000 đồng/ xe. Nguyễn Mạnh H điện thoại cho T để báo cho T là H nhờ T dẫn đường cho 02 xe ô tô chở gỗ trái phép của H đi qua địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum, giá 4.000.000 đồng/ xe 8 tấn và 2.000.000 đồng/ xe 3,5 tấn, đồng thời H cũng gọi điện cho T để báo cho T là H nhờ T dẫn đường cho 02 xe ô tô chở gỗ trái phép của H đi qua địa bàn huyện I, tỉnh Gia Lai, giá 2.000.000 đồng/ xe. Đào Đình K điện thoại cho T để báo cho T là K và L nhờ T dẫn đường cho xe ô tô chở gỗ trái phép của K và L đi qua địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum, giá 2.000.000 đồng, đồng thời K và L cũng gọi điện cho T để báo cho T là K và L nhờ T dẫn đường cho xe ô tô chở gỗ trái phép của K và L đi qua địa bàn huyện I, tỉnh Gia Lai, giá 1.500.000 đồng.

Sau khi T và T đồng ý, nhận dẫn đường thì khoảng 23h ngày 05/10/2016, T điện thoại cho các chủ xe, chủ gỗ cho xe xuất phát, T trực tiếp dẫn đường. Nguyễn Hữu T cũng điện thoại báo cho lực lượng chức năng tại huyện I, tỉnh Gia Lai để báo số lượng xe sẽ đi qua. Lúc này xe ô tô BKS 81C - 027.09 do Trần Thanh Thuận điều khiển, xe ô tô không BKS do Hoàng Minh H điều khiển, xe ô tô BKS 81C - 020.04 do Nguyễn Minh Đ điều khiển đang đứng chờ tại bãi đá khu vực thủy điện Sê San 4 cùng nhau xuất phát. Xe ô tô BKS 81C-104.17 do Lê Trung N điều khiển, xe ô tô BKS 77C - 005.83 do Lê Minh Đ điều khiển đang đứng chờ tại lô cao su và đường nhánh thuộc huyện IH, tỉnh Kon Tum cùng xuất phát. Khi đoàn xe đi qua Trạm liên ngành khu vực thủy điện Sê San thuộc huyện IH, tỉnh Kon Tum thì chốt barie đã mở sẵn nên các xe đi qua và đi về hướng huyện I, tỉnh Gia Lai. Lúc này, T điện thoại cho T và H báo các xe đi hết địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum để T đón đoàn xe và chỉ dẫn đường đi. Khi đoàn xe đi đến xã O, huyện I thì có xe ô tô tải ben, BKS 81C - 020.47 của Nguyễn Văn T do tài xế Nguyễn Văn Đ điều khiển đi chung vào đoàn xe. Khoảng 24h00 ngày 05/10/2016, Nguyễn Hữu T chạy xe ô tô bán tải BKS 81C - 098.65 đến cuối làng Cúc, xã O (giáp với I) để đón đoàn xe chờ gỗ và chỉ dẫn đi theo hướng xã I. Khoảng 01h30' ngày 06/10/2016, khi đoàn xe đi đến địa phận xã I thì bị Tổ tuần tra thuộc Đoàn biên phòng I phát hiện kiểm tra. Lúc này, T đang đi phía sau xe ô tô tải BKS 77C - 005.83 thì được Thuận là lái xe BKS 81C - 027.09 điện thoại báo xe chở gỗ đã bị bắt, T chạy xe lên phía trước và nói lái xe 77C - 005.83 dừng lại rồi tiếp tục chạy đến đoạn đường thuộc địa bàn xã I thì thấy có 05 xe ô tô chở gỗ đã bị lực lượng Đoàn Biên phòng I, Công an xã I yêu cầu dừng xe kiểm tra, bắt giữ. Nguyễn Hữu T điện thoại cho H và T biết đoàn xe chở gỗ đã bị bắt và đề nghị đến giải quyết. Khoảng 01 giờ sau thì H đi xe ô tô bán tải đến hiện trường và cùng T đến gặp các đồng chí Phan Văn H, Lê Văn L thuộc Tổ công tác Bộ đội Biên phòng và đồng chí S - Bí thư Đảng ủy xã I để xin cho các xe đi qua nhưng không được giải quyết. Khi biết không được giải quyết, H đã chỉ đạo lái xe của mình, đồng thời điện thoại cho K và L biết các lái xe dừng xà beng, búa để đục phá số khung, số máy, tháo BKS của các xe ô tô,

sau đó lên xe ô tô nổ máy quay đầu bỏ chạy, K và L cũng gọi điện cho tài xế Lê Minh Đ làm theo. Lúc này, tại hiện trường, lái xe Nguyễn Văn Đông lên xe BKS 81C - 020.47 nổ máy bỏ chạy và đâm vào 03 xe mô tô của lực lượng bắt giữ và va vào xe ô tô BKS 81C - 104.17 làm rơi cánh cửa xe ô tô trên, chạy được 200 m do bị rơi thùng dầu nên xe bị tắt máy, Đông bỏ xe chở gỗ lại và trốn vào rừng cao su; lái xe Hoàng Minh H và phụ xe Dương Thiệu H1 lên xe không biển số quay đầu xe lái xe chạy thoát; lái xe Nguyễn Minh Đ lên xe BKS 81C - 020.04 nổ máy, lùi xe, quay đầu bỏ chạy cách hiện trường 02 km thì bị lực lượng chức năng bắt giữ. Lái xe Lê Minh Đ quay đầu xe BKS 77C - 005.83 (xe này chưa vào khu vực hiện trường nên chưa bị bắt giữ) bỏ chạy đến khu vực xã O, huyện I thì bị lực lượng Đồn Biên phòng O kiểm tra, giữ xe, Đ bỏ xe trốn thoát.

Sau khi lái xe Hoàng Minh H và phụ xe Dương Thiệu H1 lái xe chạy thoát thì đến trưa ngày 06/10/2016, Nguyễn Hữu T đã bán số gỗ chở trên xe này (05 m³ gỗ xẻ hộp, chủng loại Bằng Lăng, nhóm 3) cho Cao Xuân T (sinh năm: 1974, trú tại: Thôn 3, xã IK, huyện I, tỉnh Gia Lai) tại xưởng 705, huyện I, tỉnh Gia Lai được 21.000.000 đồng.

Tổng số gỗ của 05 xe ô tô tải vận chuyển gỗ trái phép như sau:

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu Thaco Ollin, màu xanh, BKS 81C - 104.17, do Lê Trung N điều khiển chở gỗ cho Nguyễn Mạnh H, trên thùng xe có chở 01 lồng gỗ tròn, chủng loại Gỗ, nhóm 1, khối lượng 0,747 m³; 10 hộp gỗ xẻ, chủng loại Gỗ, nhóm 1, khối lượng 7,592 m³. Tổng cộng: 8,339 m³, quy tròn 12,894 m³.

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu HuynDai, màu trắng, BKS 81C - 027.09, do Trần Thanh Thuận điều khiển chở gỗ cho Nguyễn Hữu T, trên thùng xe có chở 48 hộp gỗ xẻ, chủng loại Kền Kền, Dầu Nước, Bằng Lăng, Sao Cát, Sến Bô Bô nhóm 2 đến nhóm 5, khối lượng 24,635 m³, quy tròn 39,416 m³.

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu DaeWoo, màu trắng tím, BKS 81C - 020.04, do Nguyễn Minh Đ điều khiển chở gỗ cho Nguyễn Mạnh H, trên thùng xe có chở 01 lồng gỗ tròn, chủng loại Kền Kền, nhóm 2, khối lượng 0,690 m³; 34 hộp gỗ xẻ, chủng loại Kền Kền, Dầu Nước, Chò, Bình Linh, Bằng Lăng, nhóm 2, 3, 5, khối lượng 20,933 m³. Tổng cộng: 21,623 m³, quy tròn 34,182 m³.

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu Thaco Foton, màu xanh, BKS 77C - 005.83, do Lê Minh Đ điều khiển chở gỗ cho Đào Đình K và Đình Lê L, trên thùng xe có chở 70 hộp gỗ xẻ, chủng loại Bằng Lăng, nhóm 1, khối lượng 12,379 m³, quy tròn 19,806 m³.

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu HuynDai, màu trắng, không BKS, do Hoàng Minh H điều khiển, Dương Thiệu H1 phụ xe chở gỗ cho Nguyễn Hữu T, trên thùng xe có chở 05 m³ gỗ xẻ hộp, chủng loại Bằng Lăng, nhóm 3.

Tổng cộng: 111,298 m³ gỗ các loại.

b. Về dân sự: Không

c. Về Vật chứng:

Tạm giữ tại Kho vật chứng Công an huyện I:

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu Thaco Ollin, màu xanh, không BKS, số khung: Đã bị đục phá, số máy: YZ4105ZLQ ★ BB01001690 ★ (kèm theo chìa khóa khởi động của xe ô tô).

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu Daewoo, màu trắng tím, không BKS, số khung: Đã bị đục phá, số máy: D236671400132CA (kèm theo chìa khóa khởi động của xe ô tô).

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu Thaco Fotong, màu xanh, không BKS, số khung, số máy: Không xác định (kèm theo chìa khóa khởi động của xe ô tô).

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu HuynDai, màu trắng, không BKS, số khung: Chưa xác định được, số máy: Bị đục phá (kèm theo chìa khóa khởi động của xe ô tô).

- 01 (một) bì thư được niêm phong theo biên bản niêm phong ngày 06/10/2016. Bên trong có chứa 02 vỏ đạn được lấy ra từ khẩu súng DKR747 số DK 03001590.

- 02 (hai) BKS phía trước và phía sau xe ô tô 77C - 005.83.

Tạm giữ tại Hạt kiểm lâm huyện I:

- 111,298 m³ gỗ các loại (mô tả cụ thể tại Biên bản kiểm tra, đo đếm khối lượng gỗ).

Các bị can tác động gia đình tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính:

- Bị can Nguyễn Hữu T nộp 21.000.000 đồng.

- Bị can Đào Đình K nộp 10.000.000 đồng.

- Bị can Đinh Lê L nộp 10.000.000 đồng.

- Bị can Hoàng Minh H nộp 1.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HSST ngày 21/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Mạnh H, Đinh Lê L, Đào Đình K, Nguyễn Minh Đ, phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Mạnh H, Đinh Lê L, Đào Đình K, Nguyễn Minh Đ; áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đào Đình K, áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đinh Lê L:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ tạm giam ngày 12/7/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ tạm giam ngày 31/3/2019

Xử phạt bị cáo Đào Đình K 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Lê L 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính tính ngày bị tạm giữ tạm giam ngày 12/7/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính tính ngày bị tạm giữ tạm giam ngày 11/9/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đinh Lê L, Nguyễn Minh Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020 các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Đào Đình K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận: Các đối tượng Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Hữu T, Đào Đình K, Đinh Lê L đi thu mua gỗ của người dân khai thác trái phép ở khu vực giáp ranh biên giới Việt Nam - Campuchia, thuộc địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum về bán lại cho một số cơ sở thu mua. Quá trình làm ăn, biết Nguyễn Mạnh T có thể dẫn đường cho xe ô tô vận chuyển gỗ trái phép đi qua địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum đến địa phận huyện I, tỉnh Gia Lai và biết Nguyễn Hữu T có thể dẫn đường cho xe ô tô vận chuyển gỗ trái phép đi trong địa bàn huyện I, tỉnh Gia Lai mà không bị phát hiện, bắt giữ. Ngày 5/10/2016, Nguyễn Mạnh H thuê Lê Trung N, Nguyễn Minh Đ vận chuyển 02 xe gỗ; Nguyễn Hữu T thuê Trần Thanh Thuận, Dương Thiệu H1, Hoàng Minh H vận chuyển 02 xe gỗ; Đào Đình K, Đinh Lê L thuê Lê Minh Đ vận chuyển 01 xe gỗ, sau đó liên lạc Nguyễn Mạnh T nhờ T dẫn đường các xe gỗ đi qua địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum với giá 4.000.000 đồng/xe loại 8 tấn và 2.000.000 đồng/xe loại 3,5 tấn; nhờ Nguyễn Hữu T dẫn đường các xe ô tô chở gỗ qua địa bàn huyện I với giá 1.500.000 đồng/xe loại 3,5 tấn và 2.000.000 đồng/xe loại 8 tấn. Sau khi bốc gỗ xong, Nguyễn Mạnh T chủ động liên lạc với các lái xe và chủ gỗ giấu xe vào bãi đá thuộc khu vực thủy điện Sê San 4 và các lô cao su thuộc huyện IH, tỉnh Kon Tum chờ đến giờ cùng xuất phát. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T liên lạc và trực tiếp dẫn đường các xe ô tô trên đi qua hết địa phận huyện IH, tỉnh Kon Tum. Tiếp sau đó, Nguyễn Hữu T liên lạc với các xe ô tô đi vào hướng xã I, huyện I. Khi các xe ô tô đi vào xã I, huyện I thì bị đồn biên phòng huyện I kiểm tra, bắt giữ 05 xe ô tô vận chuyển gỗ trái phép, (trong đó có 01 xe xác định không liên quan), cùng lúc này đồn biên phòng xã O bắt giữ 01 xe ô tô vận chuyển gỗ trái phép. Xác định tổng số gỗ thu giữ được mà các xe vận chuyển là 111,298 m³ các loại từ nhóm 1 đến nhóm 5.

Như vậy trong vụ án này, bị cáo Nguyễn mạnh T, Nguyễn Mạnh H là đối tượng sắp xếp việc vận chuyển gỗ trái phép từ huyện IH, tỉnh Kon Tum về tỉnh Gia Lai để tiêu thụ; bị cáo H liên lạc với các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Nguyễn

Hữu T để liên hệ với các cán bộ có chức năng được giao nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng để “bao đường”; trong đó T “bao đường” tại địa bàn huyện IH, tỉnh Kon Tum và giao T “bao đường” trên địa bàn xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai để vận chuyển gỗ trái phép cho bản thân H, T và cho Đào Đình K, Đình Lê L. Sau khi liên hệ thống nhất đường đi, H, T, T chỉ đạo các chủ gỗ, các lái xe, vận chuyển xe theo đoàn, tuyến đường đã sắp xếp. Khi bị lực lượng chức năng bắt giữ, H đã chỉ đạo các lái xe của mình là Lê Trung N, Nguyễn Minh Đ và thông báo cho Nguyễn Hữu T, Đào Đình K chỉ đạo các lái xe của mình để đục số khung, số máy, tháo biển số để tránh bị phát hiện. Do đó án sơ thẩm kết luận tất cả các bị cáo trong vụ án chịu trách nhiệm chung về việc vận chuyển trái phép 111,298 m³ các loại từ nhóm 1 đến nhóm 5, với vai trò đồng phạm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7, Điều 22 Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; Mục 1.6 phần IV Thông tư 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 8/3/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, thì hành vi vận chuyển trái phép từ hai loại gỗ trở lên mà tổng khối lượng gỗ trong vụ vi phạm từ trên bốn lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính đối với số gỗ thông thường thuộc nhóm IV đến nhóm VIII quy định cho hành vi tương ứng đó (mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính là 20m³; tổng số gỗ các bị cáo vận chuyển là 111,298m³) là thuộc trường hợp xử lý hình sự với tình tiết định khung là: “phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng”. Do đó, án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Mạnh H, Đào Đình K, Đình Lê L, Nguyễn Mạnh T, Lê Trung N, Nguyễn Minh Đ, Lê Minh Đ, Hoàng Minh H, Dương Thiệu H1 phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” theo quy định tại khoản 2 Điều 175 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, nhận thấy: Theo quy định tại điểm b, mục 1.6 phần IV Thông tư 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 8/3/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, thì hành vi vận chuyển trên 80m³ đối với gỗ thông thường thuộc nhóm IV đến nhóm VIII là thuộc trường hợp “Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999. Khoản 2 Điều 175 BLHS có khung hình phạt tù từ hai năm đến mười năm. Án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Sau khi đầu thú và quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; Trong đó bị cáo Đào Đình K ra đầu thú đầu tiên, đã tích cực giúp cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án; bị cáo Nguyễn Hữu T có ông nội và bị cáo Nguyễn Mạnh H có cha là người có công với Nhà nước, nhưng xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Hữu Thuật: 05 năm 06 tháng tù; Nguyễn Mạnh H: 04 năm 06 tháng tù; Đinh Lê L: 04 năm tù; Đào Mạnh K: 03 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc, chưa phân hóa vai trò của các bị cáo đối với bị cáo Nguyễn mạnh T, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, H, L và K, giảm một phần hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa, để các bị cáo an tâm cải tạo sớm trở thành công dân tốt. Đối với Nguyễn Minh Đ, án sơ thẩm xử phạt 02 năm 06 tháng tù là không nặng, đúng với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, phù hợp với mức án các bị cáo khác trong vụ án như: Lê Trung N, Lê Minh Đ và Hoàng Chí H, nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Đ; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Mạnh H, Đào Đình K và Đinh Lê L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Từ nhận định trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Mạnh H, Đào Đình K và Đinh Lê L.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Bác kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Minh Đ.

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Mạnh H, Đinh Lê L, Đào Đình K, Nguyễn Minh Đ, phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”.

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Mạnh H, Đinh Lê L, Đào Đình K, Nguyễn Minh Đ; Áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đào Đình K; Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đinh Lê L; Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ tạm giam ngày 12/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính tính ngày bị tạm giữ tạm giam ngày 31/3/2019

- Xử phạt bị cáo Đinh Lê L 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính tính ngày bị tạm giữ tạm giam ngày 12/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Đào Đình K 03 (Ba) năm tháng tù. Thời hạn tù tính tính ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính tính ngày bị tạm giữ tạm giam ngày 11/9/2019.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Minh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Mạnh H, Đinh Lê L, Đào Đình K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Lê Trung N, Lê Minh Đ, Hoàng Minh H, Dương Thiều H1; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Đường sự;
- L hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào